

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/DS-ST
Ngày 23 tháng 8 năm 2024
“*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phúc Hiếu

Bà Đặng Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Xiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2024/TLST-DS ngày 23/5/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐST-DS ngày 18/7/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐ – TA ngày 05/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1961- đại diện hộ kinh doanh Nguyễn Quốc T.

Địa chỉ: Khu F, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Lê Việt T1, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu A (Khu A cũ), thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Ông T có mặt, anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như các lời khai tại tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc T trình bày: Ông là chủ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ do một mình ông bỏ vốn ra kinh doanh. Ngày 14/5/2012, ông có cho anh Lê Việt T1 là công nhân của Xí nghiệp NPK3 (4) thuộc công ty S vay số tiền 6.000.000 đồng hẹn đến ngày 14/6/2012 anh T1 sẽ trả đủ số tiền vay; hai bên có lập và ký giấy vay

tiền tuy nhiên không thỏa thuận về lãi suất trong giấy vay mà ông và anh T1 thỏa thuận bằng miệng theo lãi suất của Ngân hàng. Đến thời hạn trả nợ theo thỏa thuận anh T1 vẫn chưa trả cho ông khoản nợ nào; ông có gọi điện cho anh T1 nhưng anh T1 vẫn khất nợ và không trả cho ông sau đó ông đã nhiều lần hỏi nhưng đến nay anh T1 vẫn chưa trả. Khi anh T1 vay tiền không có cầm cố giấy tờ gì cũng như không cầm cố 01 đăng ký xe mô tô như anh T1 trình bày. Nay ông đề nghị anh T1 phải trả cho ông số tiền gốc đã vay là 6.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Phía anh Lê Việt T1 là bị đơn trình bày:

Ngày 14/5/2012, anh có vay của ông Nguyễn Quốc T số tiền 6.000.000 đồng; ông T có lập giấy vay tiền và anh có ký vào giấy vay; trong giấy vay có thể hiện thời hạn trả nợ là ngày 14/6/2012 và không ghi lãi suất vay, nhưng hai bên có thỏa thuận miệng về lãi suất vay là 5.000 đ/1.000.000đ/ngày. Sau đó anh đã trả được cho ông T số tiền 4.000.000 đồng vào tháng 7/2012, khi trả ông T không viết giấy tờ gì cho anh nên anh không lưu trữ giấy tờ gì và còn nợ lại số tiền 2.000.000 đồng. Khi vay tiền anh có cầm cố giấy tờ cho ông T là 01 đăng ký xe mô tô của anh đang đi biển kiểm soát 19R2-1000, anh không nhớ số giấy đăng ký. Nay ông T khởi kiện đòi anh số tiền 6.000.000 đồng thì anh không đồng ý mà chỉ còn nợ lại ông T số tiền 2.000.000 đồng nên khi nào ông T trả giấy tờ xe cho anh thì anh trả nốt ông T số tiền 2.000.000 đồng.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T. Buộc anh Lê Việt T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Quốc T số tiền còn nợ là 6.000.000 đồng.

Về lãi suất: Do ông T tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Việt T1 phải chịu án phí dân sự sơ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Quốc T khởi kiện đòi anh Lê Việt T1 phải trả số tiền đã vay là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Bị đơn là anh Lê Việt T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu A, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao đã tiến hành các trình tự, thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các đương

sự. Ngày 05/8/2024 Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao đưa vụ án ra xét xử, anh Lê Việt T1 vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao hoãn phiên tòa để đảm bảo quyền lợi cho anh T1. Ngày 23/8/2024 Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao tiến hành đưa vụ án ra xét xử, anh Lê Việt T1 tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T1 là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Ngày 14/5/2012, ông Nguyễn Quốc T có cho anh Lê Việt T1 vay số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) là có thật được thể hiện ở giấy vay tiền và đã được các bên đương sự thống nhất thừa nhận. Do vậy, đã phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên kể từ ngày hợp đồng vay tài sản được xác lập.

Theo anh T1: Khi vay có cầm cố giấy tờ cho ông T là 01 đăng ký xe mô tô của anh đang đi biển kiểm soát 19R2-1000, sau đó anh đã trả cho ông T số tiền là 4.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại ông T số tiền là 2.000.000 đồng, khi nào ông T trả đăng ký xe cho anh, anh sẽ trả nốt số tiền còn nợ là 2.000.000 đồng. Phía ông T cho rằng: Anh T1 vay tiền của ông, không có cầm cố giấy tờ gì cũng như không cầm cố 01 đăng ký xe mô tô. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 25/6/2024 Tòa án đã ra quyết định yêu cầu anh T1 cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh về việc anh đã cầm cố 01 đăng ký xe mô tô và đã trả cho ông T số tiền 4.000.000 đồng nhưng anh T1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Do vậy, không có căn cứ xác định việc anh T1 đã cầm cố 01 đăng ký xe mô tô và đã trả cho ông T số tiền 4.000.000 đồng. Do vậy, việc ông T khởi kiện đòi anh T1 số tiền đã vay 6.000.000 đồng là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Cần buộc anh T1 phải trả cho ông T số tiền 6.000.000 đồng là phù hợp.

Về lãi suất: Do ông Nguyễn Quốc T tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không xem xét là phù hợp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lê Việt T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Cần trả lại cho ông Nguyễn Quốc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470, 357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc T.
2. Buộc anh Lê Việt T1 phải trả cho ông Nguyễn Quốc T số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Về lãi suất: Không xem xét do nguyên đơn không đề nghị.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lê Việt T1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Quốc T số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tiền tạm ứng án phí số 0001680 ngày 23/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND H. Lâm Thao, VKSND tỉnh
- Thi hành án DS H. L
- Các đ-ơng sự
- L- u hồ sơ, án văn

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Liên